

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

(ÁP DỤNG TỪ KHÓA 66, TUYỂN SINH NĂM 2024)

Hà Nội, tháng 12 năm 2023

Số: 1596/QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học
áp dụng từ khóa 66 (tuyển sinh năm 2024)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ vào Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHKTQD-HĐT ngày 09/3/2021 của Hội đồng Trường;

Căn cứ Đề án tự chủ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 368/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/6/2022 của Hiệu trưởng;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2819/QĐ-ĐHKTQD ngày 28/11/2022 của Hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế Quốc dân quy định mở ngành đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/02/2023 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban chỉ đạo, Ban thư ký, Ban chuyên môn và Quyết định số 193/QĐ-ĐHKTQD ngày 01/3/2023 của Hiệu trưởng về việc thành lập các tiểu ban chuyên môn rà soát, đánh giá và cập nhật các chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ vào Biên bản thông qua 37 chương trình đào tạo trình độ đại học cập nhật năm 2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tại cuộc họp ngày 18/12/2023 và đề xuất của các Khoa, Viện đào tạo;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 37 chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa 66 tuyển sinh năm 2024 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân:

(có 37 chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Quản lý đào tạo, Trường khoa, Viện trưởng, Trường bộ môn, Trường các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/cáo);
- Đảng ủy, HĐT (để b/cáo);
- Như Điều 3;
- P.TT (để đăng Công TTĐT);
- Lưu: VT, QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Phạm Hồng Chương

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1596 /QĐ-ĐHKTQD ngày 28/12/2023 của Hiệu trưởng)

1. THÔNG TIN CHUNG

Chương trình/Programme:	Cử nhân Hệ thống thông tin quản lý/Bachelor of Management Information Systems
Trình độ đào tạo/Level of Education:	Đại học/Undergraduate
Ngành đào tạo/Major:	Hệ thống thông tin quản lý/Bachelor of Management Information Systems
Mã ngành/Code:	7340405
Hình thức đào tạo/Type of Education:	Chính quy/Full-time
Ngôn ngữ đào tạo/Language:	Tiếng Việt/Vietnamese
Thời gian đào tạo/Duration Time:	4 năm/ 4 Years
Số tín chỉ:	130
Quyết định mở ngành, cấp ban hành:	225/QĐ-BGDĐT ngày 11/01/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Kiểm định chương trình:	Năm 2022
Thời điểm điều chỉnh:	Tháng 12 năm 2023
Áp dụng từ năm tuyển sinh:	2024 (khóa 66 đại học chính quy)
Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Đơn vị quản lý chuyên môn:	Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số

2. TRIẾT LÝ, MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ ĐỊNH HƯỚNG NƠI LÀM VIỆC SAU TỐT NGHIỆP

2.1. Triết lý giáo dục

Kiến tạo con đường thông minh để mỗi người trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình, mang lại giá trị cho cộng đồng.

2.2. Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu chung: CTĐT trình độ đại học ngành Hệ thống thông tin quản lý hướng tới mục tiêu đào tạo cử nhân Hệ thống thông tin quản lý có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khoẻ tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức phù hợp về khoa học xã hội; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về hệ thống thông tin, đặc biệt các hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý và quản trị kinh doanh tại các tổ chức, doanh nghiệp; có khả năng nghiên cứu tự bổ sung kiến thức thích ứng với môi trường làm việc; có kỹ năng ứng xử và giao tiếp tốt.

- Mục tiêu cụ thể:

Mã /Code	Mô tả /Description
PO1	Có kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội, pháp luật và khoa học tự nhiên.
PO2	Có kiến thức nền tảng về kinh tế, quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Hệ thống thông tin quản lý.
PO3	Có khả năng vận dụng lý thuyết vào phân tích, tổng hợp và đề xuất giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực Hệ thống thông tin quản lý.
PO4	Có kỹ năng giao tiếp, viết báo cáo và thuyết trình chuyên môn.
PO5	Có năng lực làm việc độc lập, phối hợp nhóm, chịu được áp lực và thích ứng nhanh chóng với những nhiệm vụ cụ thể.
PO6	Có tinh thần và nhận thức đúng đắn về trách nhiệm trong thực thi công việc, có đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực Hệ thống thông tin quản lý.

3. CHUẨN ĐẦU VÀO

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Đáp ứng các điều kiện khác theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

4. CHUẨN ĐẦU RA

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình

Khi tốt nghiệp, sinh viên có thể:

Mã /Code	Nội dung chuẩn đầu ra
1.	Chuẩn về kiến thức
a.	Chuẩn kiến thức chung của Trường

PLO1.1	Vận dụng được thể giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin và của Đảng Cộng sản Việt Nam vào học tập, nghiên cứu, vào đời sống thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.
PLO1.2	Vận dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế, quản trị kinh doanh, quản lý vào giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội ở tầm vĩ mô, ngành và doanh nghiệp.
PLO1.3	Vận dụng được các kiến thức về CNTT, các kiến thức về phân tích định lượng vào thực tế, gắn kết với chuyển đổi số ở các cấp độ khác nhau.
b.	Chuẩn kiến thức của ngành
PLO1.4	Hiểu được các lý thuyết về kinh tế đầu tư, kinh tế quốc tế. Nắm vững các chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh. Hiểu được các kiến thức cơ bản về Hệ thống thông tin quản lý trong các tổ chức, doanh nghiệp.
PLO1.5	Hiểu được các kiến thức cơ sở ngành hệ thống thông tin quản lý; hiểu và vận dụng được phương pháp, quy trình về phát triển, vận hành và bảo trì các hệ thống thông tin quản lý ứng dụng cho các lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; làm chủ được quy trình phát triển phần mềm, quy trình quản trị dự án hệ thống thông tin.
PLO1.6	Hiểu và vận dụng được các kiến thức về kinh doanh, tổ chức, quản lý, và công nghệ để phân tích, đánh giá, đề xuất và triển khai các giải pháp thuộc lĩnh vực Hệ thống thông tin quản lý nhằm hỗ trợ hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp một cách sáng tạo và hiệu quả.
2.	Chuẩn về kỹ năng
a.	Chuẩn kỹ năng chung của trường
PLO2.1	Kết hợp (mức 4) các kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản: sử dụng máy tính; xử lý văn bản; sử dụng bảng tính; sử dụng trình chiếu; sử dụng Internet....để học tập, nghiên cứu và ứng dụng thực tế.
PLO2.2	Thành thạo (mức 4) tiếng Anh cơ bản để học tập, nghiên cứu và sử dụng trong thực tế. (chi tiết theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng).
b.	Chuẩn kỹ năng của ngành
PLO2.3	Có khả năng lập trình, xây dựng cơ sở dữ liệu và vận dụng được những nguyên tắc cơ bản của quy trình phát triển phần mềm; có khả năng làm chủ các công nghệ, kỹ thuật để phát triển, vận hành và quản trị các hệ thống thông tin phục vụ các hoạt động tác nghiệp, quản lý và điều hành trong các tổ chức, doanh nghiệp; có khả năng khai thác các phần mềm chuyên dụng để phân tích dữ liệu, tổng hợp thông tin hỗ trợ quá trình ra quyết định; có khả năng quản trị các dự án về hệ thống thông tin.
PLO2.4	Có khả năng vận dụng được các kiến thức về kinh doanh, tổ chức, quản lý,

	và công nghệ để phân tích, đánh giá, đề xuất và triển khai các giải pháp thuộc lĩnh vực hệ thống thông tin quản lý nhằm hỗ trợ hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp một cách sáng tạo và hiệu quả; có khả năng xử lý các tình huống, các vấn đề phát sinh trong quá trình quản trị các hệ thống thông tin.
PLO2.5	Có khả năng tư duy hệ thống và mô hình hóa; có khả năng làm việc độc lập dưới áp lực công việc; có khả năng phối hợp và làm việc nhóm với nhiều đối tượng khác nhau trong quá trình phát triển hệ thống thông tin quản lý (khách hàng, cán bộ nghiệp vụ và đồng nghiệp). Sinh viên có khả năng tiếp cận và giải quyết các vấn đề một cách có hệ thống.
PLO2.6	Có kỹ năng giao tiếp bằng văn bản; viết báo cáo và thuyết trình chuyên môn liên quan tới kế hoạch, chiến lược và thực thi các hoạt động được giao; có kỹ năng giao tiếp trên môi trường mạng.
3.	Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm
PLO3.1	Thể hiện được sự tự lực khi làm việc độc lập, thể hiện trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc (mức 5).
PLO3.2	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động (mức 5)
PLO3.3	Thể hiện quan điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân dựa trên cách tiếp cận khách quan, khoa học (mức 5).
PLO3.4	Xác định thực hiện trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong việc đưa ra những nhận định, đánh giá về các vấn đề chuyên môn (mức 4).

4.2. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
PLO1.1	x					
PLO1.2	x					
PLO1.3	x					
PLO1.4		x				
PLO1.5		x				
PLO1.6		x				
PLO2.1			x			
PLO2.2			x			
PLO2.3			x			
PLO2.4			x			
PLO2.5			x			
PLO2.6				x		

	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
PLO3.1					x	
PLO3.2					x	
PLO3.3						x
PLO3.4						x

4.3. Cơ hội làm việc và khả năng học tập nâng cao

- Cơ hội việc làm: Cử nhân ngành HTTTQL có thể làm việc tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội từ trung ương đến địa phương, các tổ chức doanh nghiệp với vị trí công việc liên quan đến hệ thống thông tin; có thể đảm đương tốt các vị trí như chuyên gia tư vấn về chuyển đổi số, cán bộ phát triển, khai thác, vận hành và bảo trì hệ thống thông tin. Ngoài ra, cử nhân ngành HTTTQL còn có thể làm việc tại các công ty CNTT, công ty cung cấp dịch vụ thông tin.

- Khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp: Cử nhân ngành HTTTQL có khả năng tiếp tục học cao học hoặc nghiên cứu sinh các ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Chương trình đào tạo theo quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Kế hoạch đào tạo chuẩn là 04 năm, sinh viên có thể tốt nghiệp sớm hoặc muộn theo quy định.

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;

d) Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân-sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;

đ) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc của chương trình

Thành phần	Số TC	Ghi chú
1. Giáo dục đại cương	47	
1.1. Các học phần chung	14	Lý luận chính trị và pháp luật
1.2. Các học phần chung của trường	21	4 học phần chung và ngoại ngữ
1.3. Các học phần chung của lĩnh vực	12	4 học phần chung của lĩnh vực
1.4. Giáo dục thể chất	-	3 tín chỉ

Thành phần	Số TC	Ghi chú
1.5. Giáo dục Quốc phòng -An ninh	-	165 tiết/8 tín chỉ quy đổi
2. Giáo dục chuyên nghiệp	83	
2.1. Các học phần chung của nhóm ngành	12	4 học phần chung của nhóm ngành
2.2. Các học phần của ngành	61	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	31	
2.2.2. Các học phần tự chọn	30	SV tự chọn 10 học phần trong tổ hợp 15 học phần
2.3. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	130	Không gồm GDTC và GDQP-AN

6.2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			47		
	1.1. Các học phần chung			14		
1	1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	III	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	IV	
6	6	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
		Giáo dục thể chất Physical Education (3 tín chỉ)	GDTC	-	-	-
		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education (165 tiết/8 tín chỉ quy đổi)	GDQP	-	-	-
	1.2. Các học phần chung của Trường			21		
7	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
9	3	Tin học đại cương Basic Informatics	TIKT1109	3	I	
10	4	Toán rời rạc Discrete Mathematics	TOCB1107	3	II	

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
11	5	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	1.3. Các học phần chung của lĩnh vực (4 học phần chung của lĩnh vực)			12		
12	1	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics in economics and bussiness	TKKD1129	3	I	
13	2	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	II	
14	3	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1107	3	IV	
15	4	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	QLKT1101	3	III	
	2. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			83		
	2.1. Các học phần chung của nhóm ngành (4 học phần chung của nhóm ngành)			12		
16	1	Kinh tế nguồn nhân lực Human resource economics	NLKT1117	3	IV	
17	2	Kinh tế đầu tư Investment Economics	DTKT1154	3	V	
18	3	Quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường Economic Management and Market Economy	QLKT1112	3	VI	QLKT1101
19	4	Hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems	TIHT1102	3	II	
	2.2. Các học phần của ngành			61		
	2.2.1 Các học phần bắt buộc			31		
20	1	Cơ sở lập trình Basic Programming	CNTT1128	3	II	
21	2	Cơ sở dữ liệu Databases	TIKT1130	3	III	
22	3	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Data Structures and Algorithms	TIHT1101	3	III	CNTT1128
23	4	Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định Decision Support Systems	TIHT1110	3	V	TIHT1102 TIKT1130
24	5	Phát triển các hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems Development	TIKT1113	3	IV	TIHT1102
25	6	Ứng dụng cơ sở dữ liệu Application of Databases	TIKT1124	3	IV	TIKT1130
26	7	Kỹ nghệ phần mềm Software Engineering	TIHT1104	3	V	
27	8	Tiếng Anh ngành Hệ thống thông tin quản lý English for Management Information Systems	TIHT1106	3	III	

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
28	9	Quản trị dự án hệ thống thông tin Information Systems Project Management	TIKT1127	3	VI	TIHT1102
29	10	Chuyên đề thực tế Project	TIHT1126	4	VII	
	2.2.2 Các học phần tự chọn (SV chọn 10 học phần trong tổ hợp 15 học phần)			30		
30 -> 39	1	Kế toán máy Computer-Based Accounting	TIHT1119	3	IV	KTKE1101
	2	Hệ thống thương mại điện tử Electronic Commerce Systems	TIKT1129	3	VI	TIHT1102 TIKT1106
	3	Phát triển các ứng dụng WEB Web Applications Development	TIKT1134	3	VI	CNTT1128 TIKT1106
	4	Phát hiện tri thức từ dữ liệu Knowledge Discovery and Data Mining	CNTT1181	3	VII	
	5	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý Application of Artificial Intelligence in Business and Management	TIHT1123	3	VII	
	6	Quản trị tri thức Knowledge Management	TIHT1122	3	VI	
	7	Phát triển các ứng dụng trong quản lý Application Development for Management	TIHT1113	3	VI	TIHT1102 TIKT1124
	8	Lập trình nâng cao Advanced Programming	TIHT1105	3	V	CNTT1128
	9	Tin học kế toán Accounting Informatics	TIKT1117	3	V	TIHT1102 KTKE1101
	10	Tri thức kinh doanh Business Intelligence	TIKT1122	3	V	TIHT1102
	11	Phát triển phần mềm mã nguồn mở và ứng dụng Development of Open Source Software and Applications	TIKT1135	3	VII	CNTT1128
	12	Ngôn ngữ mô hình hóa thống nhất Unified Modeling Language	TIKT1133	3	VII	TIHT1102
	13	Marketing trực tuyến Marketing Online	TIKT1132	3	IV	TIKT1106
	14	Phân tích nghiệp vụ Business Analytics	CNTT1137	3	VI	
	15	Quản trị các nguồn lực thông tin Information Resources Managements	TIKT1137	3	V	
40	2.3. Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Thesis)		TIHT1124	10	VIII	
	Tổng số tín chỉ (không gồm GDTC và GDQP-AN)			130		

7. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN (Phụ lục 1)

8. MA TRẬN LIÊN KẾT CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA (Phụ lục 2)

9. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

9.1. Phương pháp giảng dạy

- Chương trình chủ yếu sử dụng phương pháp giảng dạy theo mô hình Lecture/Seminar phối hợp với các phương pháp khác như dạy theo vấn đề, tình huống, mô phỏng, theo dự án và tăng cường trải nghiệm thực tế, kiến tập và thực tập.
- Phương pháp giảng dạy từng học phần được ghi trong đề cương chi tiết. Tổng quát có các phương pháp sau đây:
 - o Giảng dạy theo vấn đề, tình huống, mô phỏng thực tế đối với các học phần tập trung nhiều vào kiến thức thực hành.
 - o Giảng dạy kiểu dự án với những học phần mang tính tổng hợp, có sử dụng kiến thức từ các học phần đã học trước đó.
 - o Giảng dạy theo mô hình Lecture/Seminar để sinh viên được thảo luận tập trung và chi tiết đối với từng mảng kiến thức.
 - o Tăng cường mời các chuyên gia tại doanh nghiệp tham gia giảng dạy và hướng dẫn một phần các học phần để sinh viên được trải nghiệm thực tế.
 - o Tăng cường số buổi tham quan, học tập trực tiếp tại doanh nghiệp, tạo điều kiện cho sinh viên kiến tập, thực tập tại doanh nghiệp.
- Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.

9.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Về đánh giá kết quả học tập từng học phần theo tỷ lệ 10% điểm chuyên cần, 40% điểm đánh giá quá trình và 50% điểm thi kết thúc học phần.
- Phương pháp đánh giá quá trình: Thảo luận trên lớp; Bài tập về nhà; Bài tập nhóm; Thuyết trình; Kiểm tra nhanh...
- Phương pháp đánh giá thi kết thúc học phần (cuối kỳ): Trắc nghiệm; Viết luận; Viết báo cáo; Thực địa/thực hành; Dự án; Thuyết trình; Bài tập tình huống; Vấn đáp...
- Đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học kỳ, khóa luận tốt nghiệp... dựa trên các rubrics, ma trận đề thi đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị, chính xác và công bằng.
- Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.
- Từng học phần được đánh giá theo thang điểm 10 được quy đổi ra thang điểm chữ, thang điểm 4 theo quy định.

9.3. Đánh giá chuẩn đầu ra của khóa học

Kết thúc khóa học, Trường/Khoa/Viện đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của khóa học, bao gồm:

- Đánh giá mức độ đạt được của sinh viên trước khi tốt nghiệp (qua khảo sát).
- Hệ thống quản lý đào tạo tự động tính mức độ đạt được của chuẩn đầu ra khóa học khi sinh viên tốt nghiệp.
- Nhà tuyển dụng đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của sinh viên sau khi

tốt nghiệp được 01 năm/12 tháng (qua khảo sát).

10. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THAM KHẢO

(1) Trường Đại học Thương mại

Chương trình đào tạo Ngành Hệ thống thông tin quản lý – Giấy chứng nhận kiểm định chương trình đào tạo số 218/QĐ-KDCL ngày 30/03/2022.

(2) Simon Fraser University, Canada: <https://www.sfu.ca/>

(3) HEC Montréal, Canada

Management Information Systems Accredited Programs of HEC Montréal

Structure du programme | Baccalauréat en administration des affaires (B.A.A.) |

HEC Montréal; <https://cips.ca/misaccredited/>

(4) St. Francis Xavier University, Canada: <https://www.stfx.ca/>

11. TIÊU CHUẨN ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, TRỢ GIẢNG

➤ Giảng viên:

- Tốt nghiệp thạc sĩ trở lên, cụ thể:
 - o Giảng viên giảng dạy các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy
 - o Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc lĩnh vực Kinh doanh và quản lý, phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy.
 - o Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc nhóm ngành Quản lý - Quản trị, phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy.
- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên.
- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên.

➤ Trợ giảng

- Tốt nghiệp đại học trở lên, cụ thể:
 - o Trợ giảng các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.
 - o Trợ giảng các học phần cơ sở ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc lĩnh vực Kinh doanh và quản lý, phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.
 - o Trợ giảng các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc nhóm ngành Quản lý - Quản trị, phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.

- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh trợ giảng.

12. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU

Trường Đại học Kinh tế quốc dân có chiến lược phát triển đến năm 2030 trở thành đại học thông minh, chú trọng đảm bảo và đáp ứng những yêu cầu về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo, để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phù hợp với đặc điểm của từng ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo. Những yêu cầu này được chi tiết và cụ thể trong các đề án mở ngành, xây dựng và ban hành chương trình đào tạo, đề án tuyển sinh đại học hàng năm, trong báo cáo 3 công khai ... được báo cáo Bộ GD&ĐT đồng thời được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Trường.

Các môn học/học phần trong chương trình đào tạo đảm bảo đầy đủ bộ học liệu theo quy định hiện hành, cụ thể gồm: giáo trình, đề cương học phần, slide bài giảng và các học liệu khác.

13. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

- Căn cứ kế hoạch đào tạo chuẩn, Trường đăng ký mặc định thời khóa biểu từng học kỳ chính cho sinh viên, trừ học kỳ đầu tiên các học kỳ kế tiếp sinh viên được điều chỉnh đăng ký số tín chỉ/học phần tăng lên hoặc giảm đi theo quy định.

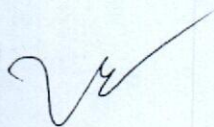
- Sinh viên được thi lại (01 lần/học phần) hoặc thi cải thiện điểm theo quy định.

- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

- Từ học kỳ thứ hai, nếu đạt học lực khá sinh viên có thể được đăng ký học cùng lúc hai chương trình vào bất kỳ chương trình/ngành của trường theo quy định.

- Khối lượng kiến thức, phương pháp dạy và học, cách đánh giá học phần, nội dung cần đạt được (CĐR/CLO) của từng học phần được mô tả, quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

VIỆN TRƯỞNG



TS Nguyễn Trung Tuấn

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Phạm Hồng Chương